

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ L  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----  
Bản án số: 03/2019/DS-ST  
Ngày: 20/3/2019  
V/v: "Tranh chấp dân sự đòi  
lại tài sản".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Vũ Thị Minh Huệ

2. Ông Trịnh Văn Thái

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 03/01/2019, về việc: “Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 04/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm 1974 (Có mặt); và ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T là bà Hồ Thị Kim T

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: 32/33 đường Quỳnh Lưu, khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Năm 2017, Vợ chồng bà Hồ Thị Kim T - ông Nguyễn Đức T nhờ bà Nguyễn Thị Mỹ L lo giúp thủ tục giấy tờ hợp pháp đề tàu (thuyền) của vợ chồng bà T - ông T được đánh bắt hải sản tại vùng biển thuộc nước Malaysia. Bà L ra giá là 10.000 USD. Sau đó, vợ chồng bà T-ông T đã giao cho bà L số tiền 227.770.000 VNĐ (hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) tương đương 10.000USD. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền, bà L không lo giúp được giấy tờ gì

và tàu (thuyền) của vợ chồng bà T- ông T cũng chưa lần nào được đánh bắt hải sản tại vùng biển thuộc nước Malaysia.

Bà Hồ Thị Kim T- ông Nguyễn Đức T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L trả lại số tiền 227.770.000VNĐ (hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) và không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bà Hồ Thị Kim T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L trả số tiền 200.000.000 đồng, đối với số tiền còn lại 27.770.000 đồng bà T cho bà L.

*Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ L - trình bày:*

Trước đây, gia đình bà có quen biết với người phụ nữ tên M, bà M là người Việt Nam nhưng định cư ở nước Malaysia; gia đình bà L đã nhiều lần nhờ bà M giúp giấy tờ để tàu (thuyền) của gia đình bà được đánh bắt hải sản tại vùng biển thuộc nước Malaysia.

Giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L với vợ chồng bà Hồ Thị Kim T- ông Nguyễn Đức T có quan hệ họ hàng, nên ông T có nhờ bà L lo giúp thủ tục giấy tờ để tàu (thuyền) của vợ chồng bà T- ông T được đánh bắt hải sản tại vùng biển Malaysia. Hai bên thống nhất số tiền chi phí là 25.000USD và cũng thống nhất giao nhận trước là 10.000USD. Bà Nguyễn Thị Mỹ L xác nhận đã nhận của bà Hồ Thị Kim T- ông Nguyễn Đức T số tiền 227.770.000 VNĐ (hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

Sau khi nhận tiền của bà T-ông T, thì bà L đã giao cho bà M để bà M lo giúp giấy tờ, nhưng sau đó vụ việc bị bại lộ, bà M bị bắt, nên việc lo giúp giấy tờ để tàu của vợ chồng bà T- ông T được đánh bắt hải sản tại vùng biển Malaysia không hoàn tất.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L không đồng ý trả lại số tiền 227.770.000 VNĐ (hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) cho bà T- ông T, vì bà L cho rằng do rủi ro; Tại phiên tòa, bà L xin khắc phục bồi thường cho bà T- ông T 70.000.000 VNĐ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy nguyên đơn yêu cầu đòi lại số tiền trên là có cơ sở, cần được chấp nhận. Bị đơn đã thừa nhận có nhận số tiền trên của nguyên đơn, việc bị đơn cho rằng đã giao số tiền này cho bà M, nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 VNĐ (hai trăm triệu đồng), bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên tranh luận và đại diện VKS phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 227.770.000 VNĐ (hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng), tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về dân sự đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L. Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về dân sự đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Xuất phát từ quan hệ họ hàng, nên vợ chồng bà Hồ Thị Kim T- ông Nguyễn Đức T nhờ bà Nguyễn Thị Mỹ L lo giúp thủ tục giấy tờ hợp pháp để tàu (thuyền) của vợ chồng bà T- ông T được đánh bắt hải sản có thu hoạch cao tại vùng biển Malaysia. Hai bên đã thống nhất chi phí là 10.000USD, bà T – ông T đã giao cho bà L số tiền 227.770.000 VNĐ (hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng). Hai bên giao nhận tiền không làm giấy tờ, nhưng bà Linh đã xác nhận có nhận số tiền này của bà T- ông T.

Xét lời trình bày của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L cho rằng sau khi nhận tiền của bà T- ông T đã giao tiếp cho bà M, để bà M tiếp tục lo giúp thủ tục giấy tờ, nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hơn nữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an thị xã L, tỉnh Bình Thuận đã tiến hành xác minh, tra cứu những thông tin về người phụ nữ có tên M là không có thật.

Hơn nữa, việc bà Nguyễn Thị Mỹ L nhận lo giúp thủ tục giấy tờ để tàu (thuyền) của bà T- ông T được đánh bắt hải sản tại vùng biển Malaysia là trái pháp luật. Vì vậy, sự thỏa thuận về giao dịch giữa hai bên vô hiệu từ khi xác lập. Tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu bà L trả số tiền 200.000.000 đồng, đối với số tiền 27.770.000 đồng bà T bớt cho bà L. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L trả lại số tiền 200.000.000 VNĐ (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 122, 123, 131 và 166 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim T- ông Nguyễn Đức T. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả số tiền 200.000.000 VNĐ (hai trăm triệu đồng) cho bà Hồ Thị Kim T- ông Nguyễn Đức T.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu số tiền 10.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Hồ Thị Kim T 5.690.000đ (năm triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo BL số 0022030 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành theo thời hạn đã thỏa thuận thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.L;
- Chi cục THADS.tx.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Vũ Toàn**

